| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THỌ XUÂN**<br>**TỈNH THANH HÓA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 41/2024/HS-ST
Ngày 16 - 5 - 2024

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Minh Tiến

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Đăng Thiện

Ông Nguyên Văn Sâm

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2024;

Đối với bị cáo: **Lê Đôn T**, sinh ngày 19/9/1996 tại: Xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Đôn H và bà Ngô Thị H1; Vợ, con: Chưa có;

Tiền án: Ngày 07/5/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xử phạt 03 năm 07 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", ngày 13/5/2022 chấp hành xong án phạt tù, đã nộp án phí HSST và án phí DSST.

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 17/02/2020 bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Trộm cắp tài sản", mức phạt 1.500.000 đồng, chưa chấp hành việc nộp phạt.

Bị tạm giữ ngày 23/01/2024, chuyển tạm giam từ ngày 01/02/2024 cho đến nay; Có mặt.

- *Người có quyền lời, nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1993, địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Trần Đình D, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn Q, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

2. Nguyễn Văn T2, sinh năm 1988, địa chỉ: Trung tâm Cai nghiện số A tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 17 giờ 40 phút ngày 22 tháng 01 năm 2024, tổ công tác Công an huyện T phối hợp với Công an xã T kiểm tra phòng 202, nhà nghỉ T3 ở thôn T, xã T, huyện T thì phát hiện, bắt quả tang Lê Đôn T (sinh năm 1996, trú tại thôn T, xã B, huyện T) đang cất giấu 01 túi nilon, bên trong chứa chất bột màu trắng ngà, dạng cục vụn để trong vòi bình chữa cháy trên giá tường hành lang của nhà nghỉ. T khai nhận chất bột bên trong túi nilon là ma túy, loại Heroine để sử dựng và trước đó đã bán một ít ma túy cho Nguyễn Thanh T1 (sinh năm 1993, trú tại thôn H, xã T, huyện T). Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong ma túy trong phong bì ký hiệu MQ. Thu giữ 01 xe máy BKS 29T7-3532.

Tiến hành khám xét khẩn cấp tại phòng 202 của nhà nghỉ, thu giữ của T số tiền 4.650.000 đồng; 01 máy tính bảng nhãn hiệu XT30, bên trong lắp sim số thuê bao 0393.925.603; 01 mảnh dao lam bám dính chất bột màu trắng ngà; 01 túi nilon màu trắng, viền đỏ, bên trong có 17 túi nilon màu trắng, viền xanh. Thu của Nguyễn Văn T2 (sinh năm 1988, trú tại thôn P, xã P, huyện T) là bạn cùng phòng với T 01 điện thoại nhãn hiệu Vsmart, bên trong lắp thẻ sim số thuê bao 0399.783.738.

Quá trình điều tra xác định: Trưa ngày 18/01/2024, T rủ T2 đến nhà nghỉ T3, thuê được phòng 202 để nghỉ. Sáng ngày 19/01/2024, T một mình đi xe khách ra bến xe G ở thành phố Hà Nội. Ra đến nơi, T hỏi thăm các con nghiện nơi bán ma túy thì được biết khu vực Trường tiểu học V, quận Đ có người bán. Tại đây, T mua của một người đàn ông không quen biết số tiền 1.300.000 đồng ma túy, loại Heroine. Sau khi mua được ma túy, T đi xe khách về đến nhà nghỉ T3. T vào nhà vệ sinh phòng nghỉ 202, lấy một ít ma túy để sử dụng, số còn lại thì đem giấu bên trong vòi bình chữa cháy bên ngoài hành lang. Đến khoảng 12 giờ 30 phút ngày 22/01/2024, Nguyễn Thanh T1 (sinh năm 1993, trú tại thôn H, xã T, huyện T) sử dụng số điện thoại 0813.254.555 gọi đến số 0393.925.603 của T hỏi mua 500.000 đồng ma túy. T đồng ý và hẹn địa điểm mua bán ma túy ở đoạn đường kênh B thuộc thôn B, xã X, huyện T. T ra hành lang lấy túi ma túy giấu trong vòi bình chữa cháy đem vào nhà vệ sinh phòng nghỉ 202, dùng dao lam chia phần ma túy trong túi tương ứng với số tiền 500.000 đồng vào tờ giấy bạc, giấu trong túi quần để đi bán cho T1. Túi ma túy còn lại, T tiếp tục đem ra hành lang giấu trong vòi

bình chữa cháy. Sau đó, T gặp và hỏi mượn xe máy BKS 29T7-3532 của Nguyễn Văn T2 nói là đi có việc nhưng thực tế là đem ma túy để bán cho T1. Khi gặp nhau ở đường nhựa bờ kênh B, T đã bán 01 gói ma túy (heroine) cho T1 và lấy số tiền 500.000 đồng (01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng). Sau khi mua bán ma túy xong, T đi về nhà nghỉ T3, đến chiều cùng ngày thì bị bắt quả tang. Đối với T1, sau khi mua được ma túy thì đi đến bờ đê xã T, huyện T, lấy ra sử dụng hết nên không thu hồi được. Còn lại tờ giấy bạc bám dính ma túy đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Kết quả trưng cầu giám định chất ma túy: Kết luận giám định số 417/KL-KTHS ngày 26/01/2024 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Số chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn thu giữ của T là ma túy, có tổng khối lượng 0,789g, loại Heroine. Chất bột bám dính trên lưỡi dao dam, mảnh giấy bạc là ma túy, loại heroine, không xác định được khối lượng.

Đối với Nguyễn Văn T2 khai nhận, bản thân là người nghiện ma túy. Sáng ngày 17/01/2024, T2 đến khu vực nghĩa trang thị trấn T, huyện T gặp một người nghiện và xin được sử dụng ma túy. Cơ quan điều tra đã xác minh người này nhưng không xác định được con người và địa chỉ cụ thể. Tiến hành xét nghiệm chất ma túy đối với Lê Đôn T, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thanh T1 đều dương tính với ma túy loại Heroine, nên Cơ quan điều tra đã chuyển Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đối với T và T1, là phù hợp. Đối với T2, ngày 06/02/2024 đã bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Bản thân T2 không biết việc cất giấu, mua bán ma túy của T; không biết việc T mượn xe máy để đi bán ma túy.

Đối với người bán ma túy cho T, Cơ quan điều tra đã phối hợp với Công an phường V, quận Đ, thành phố Hà Nội tiến hành xác minh, nhưng không chứng minh được.

Đối với bà Trịnh Thị X (sinh năm 1960, trú tại thôn L, xã T, huyện T) là người quản lý nhà nghỉ T3 để xảy ra việc tàng trữ, sử dụng trái phép ma túy tại cơ sở lưu trú do mình quản lý, nên Cơ quan điều tra chuyển Chủ tịch UBND huyện T xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

Đối với chiếc xe máy BKS 29T7-3532 là tài sản của anh Trần Đình D (sinh năm 1990, trú tại thôn Q, xã X, huyện T) cho T2 mượn. Anh D1 khai mua xe của một người đàn ông không quen biết, không có giấy tờ xe. Quá trình điều tra xác định xe không rõ nguồn gốc, nên Cơ quan điều tra chuyển Công an huyện T xử lý theo quy định.

Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Vsmart, bên trong lắp sim số thuê bao 0399.783.738 thu của Nguyễn Văn T2, không có liên quan đến vụ án, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

Vật chứng và các đồ vật trong vụ án gồm: Số ma túy, có trọng lượng 0,743g loại Heroine còn lại sau giám định. Thu của T: số tiền 4.650.000 đồng; 01 máy tính bảng nhãn hiệu XT30, màu tím, bên trong lắp thẻ sim số thuê bao 0393.925.603; 01 mảnh dao lam; 01 túi nilon màu trắng, viền đỏ, bên trong có 17 túi nilon màu

trắng, viền xanh. Thu của T1: 01 điện thoại nhãn hiệu Itel, màu đỏ, bên trong lắp thẻ sim số thuê bao 0813.254.555; 01 mảnh giấy bạc. Vật chứng hiện đang được quản lý theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 43/CT-VKSTX ngày 19/4/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân đã truy tố bị cáo Lê Đôn T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Đôn T thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử,

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Đôn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Đôn T từ 30 đến 33 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự,

- Tịch thu, tiêu hủy đối với số ma túy còn lại sau giám định; 01 mảnh kim loại màu trắng (dạng lưỡi dao lam); 01 túi nilon màu trắng, viền đỏ, bên trong có 17 túi nilon màu trắng, viền xanh (thu của bị cáo T) và 01 mảnh giấy bạc (thu của Nguyễn Văn T2).

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với công cụ, phương tiện phạm tội, gồm: 01 máy tính bảng nhãn hiệu XT30, màu tím, bên trong lắp thẻ sim số thuê bao 0393.925.603 (thu của bị cáo T) và 01 điện thoại nhãn hiệu Itel, màu đỏ, bên trong lắp thẻ sim số thuê bao 0813.254.555 (thu của Nguyễn Thanh T1).

- Truy thu của bị cáo Lê Đôn T số tiền do phạm tội mà có 500.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 4.650.000 đồng (thu giữ của bị cáo T). Số tiền còn lại không liên quan đến tội phạm, trả lại bị cáo T 4.150.000 đồng.

Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận; Lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ mức hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật

tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Đôn T tại phiên tòa hôm nay, là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, kết luận giám định, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Ngày 19/01/2024, Lê Đôn T đã mua 1.300.000 đồng ma túy, loại Heroine của một người đàn ông không quen biết tại khu vực Trường tiểu học V, quận Đ, thành phố Hà Nội. Sau đó, đến ngày 22/01/2024, T đã bán một ít ma túy cho Nguyễn Thanh T1 với số tiền 500.000 đồng tại đoạn đường kênh B, thuộc thôn B, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Đến chiều cùng ngày, T bị bắt quả tang và bị thu giữ số ma túy còn lại đang cất giấu là 0,789g, loại: Heroine trong vòi bình chữa cháy, đặt tại hành lang nhà nghỉ T3, địa chỉ ở thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Mục đích mua, cất giấu ma túy của T là để bán kiếm lời.

Bị cáo Lê Đôn T có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Do đó, hành vi của bị cáo Lê Đôn T đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án là nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước về các chất ma tuý, đây là nguyên nhân làm gia tăng những tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự; gây tác hại cho sức khỏe và gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo cũng đủ nhận thức và biết ma túy là chất gây nghiện có tác hại rất lớn cho người sử dụng và đối với xã hội; bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng đã bất chấp pháp luật và cố tình vi phạm. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm minh đối với bị cáo, bắt cách ly khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo, cũng như đáp ứng được yêu cầu đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.

[4] Về nhân thân: Ngày 17/02/2020 Lê Đôn T bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Trộm cắp tài sản", mức phạt 1.500.000 đồng, T chưa chấp hành việc nộp phạt, nhưng do đã hết thời hiệu thi hành, nên được coi như là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Ngày 07/5/2020 Lê Đôn T bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xử phạt 03 năm 07 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", ngày 13/5/2022 T chấp hành xong án phạt tù và đã nộp án phí HSST và án phí DSST. Tuy nhiên T chưa được xóa án tích, nay lại phạm tội do cố ý, nên bị cáo phải chịu 01 tiền án.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Đôn T đang có 01 tiền án, nay lại tiếp tục phạm tội do cố ý, nên phải chịu 01 tình tiết tăng nặng là "tái pham" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Đôn T đã ra đầu thú khai nhận về hành vi phạm tội, giúp cho Cơ quan điều tra nhanh chóng xử lý vụ án; Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Ngoài ra bị cáo có bà nội là người có công với cách mạng, được tặng bằng khen vì có thành tích tham gia trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nên bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, cần xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm hòa nhập với xã hội.

[7] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy: Cần thiết phải xử phạt bị cáo Lê Đôn T bằng hình phạt tù, với mức án như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp. Thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam được tính vào thời gian chấp hành hình phạt cho bị cáo. Tiếp tục tạm giam đối với bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Lê Đôn T không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định; hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về vật chứng vụ án:

- Toàn bộ bao gói mở niêm phong và số ma túy là mẫu vật còn lại sau giám định, hiện được đựng trong 01 phong bì niêm phong do Phòng K Công an tỉnh T phát hành. Đây là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với vật chứng là: 01 máy tính bảng nhãn hiệu XT30, màu tím, bên trong lắp thẻ sim số thuê bao 0393.925.603 (thu của T); 01 điện thoại nhãn hiệu Itel, màu đỏ, bên trong lắp thẻ sim số thuê bao 0813.254.555 (thu của T1). Xác định đây là công cụ, phương tiện bị cáo T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh T1 đã sử dụng liên quan đến tội phạm, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với: 01 mảnh kim loại màu trắng (dạng lưỡi dao lam) và 01 túi nilon màu trắng, viền đỏ, bên trong có 17 túi nilon màu trắng, viền xanh (thu của T); 01 mảnh giấy bạc (thu của T1). Xét đã sử dụng liên quan đến tội phạm, hiện không còn giá trị, không sử dụng được nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với số tiền 4.650.000 đồng (thu giữ của bị cáo T). Xác định trong đó có 500.000 đồng là tiền do bị cáo T bán trái phép chất ma túy mà có, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Số tiền còn lại 4.150.000 đồng xác định không liên quan đến tội phạm, nên cần trả lại bị cáo T.

Vật chứng trên hiện đang được quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

[10] Về các tình tiết liên quan đến vụ án:

Đối với Nguyễn Văn T2 khai nhận, bản thân là người nghiện ma túy. Sáng ngày 17/01/2024, T2 đến khu vực nghĩa trang thị trấn T, huyện T gặp một người nghiện và xin được sử dụng ma túy. Cơ quan điều tra đã xác minh người này

nhưng không xác định được con người và địa chỉ cụ thể. Tiến hành xét nghiệm chất ma túy đối với Lê Đôn T, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thanh T1 đều dương tính với ma túy loại Heroine, nên Cơ quan điều tra đã chuyển Công an huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đối với T và T1 theo quy định. Đối với T2, ngày 06/02/2024 đã bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Bản thân T2 không biết việc cất giấu, mua bán ma túy của T; không biết việc T mượn xe máy để đi bán ma túy, nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với người bán ma túy cho T, Cơ quan điều tra đã phối hợp với Công an phường V, quận Đ, thành phố Hà Nội tiến hành xác minh, nhưng không chứng minh được nên không có căn cứ xử lý.

Đối với bà Trịnh Thị X (sinh năm 1960, trú tại thôn L, xã T, huyện T) là người quản lý nhà nghỉ T3 để xảy ra việc tàng trữ, sử dụng trái phép ma túy tại cơ sở lưu trú do mình quản lý, nên Cơ quan điều tra chuyển Chủ tịch UBND huyện T xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền, là phù hợp.

Đối với chiếc xe máy BKS 29T7-3532 là tài sản của anh Trần Đình D (sinh năm 1990, trú tại thôn Q, xã X, huyện T) cho T2 mượn. Anh D1 khai mua xe của một người đàn ông không quen biết, không có giấy tờ xe. Quá trình điều tra xác định xe không rõ nguồn gốc, nên Cơ quan điều tra chuyển Công an huyện T xử lý theo quy định.

Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Vsmart, bên trong lắp sim số thuê bao 0399.783.738 thu của Nguyễn Văn T2, không có liên quan đến vụ án, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho T2, là phù hợp.

[11] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293; khoản 1 Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố bị cáo Lê Đôn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy",

Xử phạt bị cáo Lê Đôn T 33 (ba mươi ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/01/2024.

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy đối với: Toàn bộ bao gói mở niêm phong và số ma túy còn lại sau giám định, được đựng trong 01 phong bì niêm phong do Phòng K Công an tỉnh T phát hành;

- Tịch thu, tiêu hủy đối với: 01 mảnh kim loại màu trắng (dạng lưỡi dao lam); 01 túi nilon màu trắng, viền đỏ, bên trong có 17 túi nilon màu trắng, viền xanh và 01 mảnh giấy bạc.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với: 01 máy tính bảng nhãn hiệu XT30, màu tím, bên trong lắp thẻ sim số thuê bao 0393.925.603 và 01 điện thoại nhãn hiệu Itel, màu đỏ, bên trong lắp thẻ sim số thuê bao 0813.254.555.

- Truy thu của bị cáo Lê Đôn T số tiền do phạm tội mà có 500.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 4.650.000 đồng (thu giữ của bị cáo T), hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân theo như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 58 ngày 22/4/2024.

- Trả lại cho bị cáo Lê Đôn T số tiền 4.150.000 đồng.

Vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, hiện trạng theo như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 58 ngày 22/4/2024.

3. Về án phí: Bị cáo Lê Đôn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**Lê Minh Tiến**